

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số... ngày / /2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Khung danh mục gồm 47 vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng (kèm theo Phụ lục I).

2. Danh mục vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng (kèm theo Phụ lục II).

Điều 2. Phê duyệt cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (không bao gồm viên chức quản lý) trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương: Tối đa không quá 50%.

2. Chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương trở xuống: Tối thiểu 50%.

Điều 3. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm:

1. Tổ chức, chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý rà soát, hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý.

2. Tổ chức, chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, sử dụng, quản lý người lao động theo vị trí việc làm đã được phê duyệt theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý.

3. Định kỳ hàng năm, thực hiện thống kê, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý theo quy định.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp thì Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm gửi về Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng để tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, quyết định theo trình tự quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện:

1. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3485/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3
	TỔNG CỘNG: 47 VỊ TRÍ	
I	NHÓM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ: 04 VỊ TRÍ	
1	Giám đốc và tương đương	- CDNN tối thiểu: Hạng III (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị). - CDNN tối đa: Hạng I (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị).
2	Phó Giám đốc và tương đương	- CDNN tối thiểu: Hạng III (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị). - CDNN tối đa: Hạng I (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị).
3	Trưởng phòng và tương đương	- CDNN tối thiểu: Hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Hạng II hoặc tương đương.
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	- CDNN tối thiểu: Hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Hạng II hoặc tương đương.
II	NHÓM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH: 21 VỊ TRÍ	
5	Thư viện viên hạng II	Thư viện viên hạng II
6	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III
7	Huấn luyện viên chính hạng II	Huấn luyện viên chính hạng II
8	Huấn luyện viên hạng III	Huấn luyện viên hạng III
9	Đạo diễn Nghệ thuật hạng II	Đạo diễn Nghệ thuật hạng II

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3
10	Đạo diễn Nghệ thuật hạng III	Đạo diễn Nghệ thuật hạng III
11	Phương pháp viên hạng II	Phương pháp viên hạng II
12	Phương pháp viên hạng III	Phương pháp viên hạng III
13	Tuyên truyền viên văn hóa chính	Tuyên truyền viên văn hóa chính
14	Tuyên truyền viên văn hóa	Tuyên truyền viên văn hóa
15	Họa sĩ hạng II	Họa sĩ hạng II
16	Họa sĩ hạng III	Họa sĩ hạng III
17	Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	Hướng dẫn viên văn hóa hạng II
18	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III
19	Di sản viên hạng II	Di sản viên hạng II
20	Di sản viên hạng III	Di sản viên hạng III
21	Diễn viên hạng II	Diễn viên hạng II
22	Diễn viên hạng III	Diễn viên hạng III
23	Diễn viên hạng IV	Diễn viên hạng IV
24	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng II	Chuyên viên chính hoặc tương đương
25	Xúc tiến thương mại và đầu tư hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương
III	NHÓM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG: 18 VỊ TRÍ	
26	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên
27	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên
29	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3
30	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
31	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
32	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
33	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III
34	Văn thư viên	Văn thư viên
35	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
36	Lưu trữ viên hạng III	Lưu trữ viên hạng III
37	Lưu trữ viên hạng IV	Lưu trữ viên hạng IV
38	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
39	Kế toán trưởng	- Ngạch tối thiểu: Kế toán viên - Ngạch tối đa: Kế toán viên chính
40	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên
41	Kế toán viên	Kế toán viên
42	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên
43	Nhân viên Y tế cơ quan	Y sĩ hạng IV
IV	NHÓM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ: 04 VỊ TRÍ	
44	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động
45	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động
46	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động
47	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục II

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TƯƠNG ỨNG VỚI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG: 06 ĐƠN VỊ		
I	Thư viện tỉnh Sóc Trăng		22
I.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		6
1	Giám đốc Thư viện tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Thư viện viên hạng III. - CDNN tối đa: Thư viện viên hạng I.	1
2	Phó Giám đốc Thư viện tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Thư viện viên hạng III. - CDNN tối đa: Thư viện viên hạng I.	2
3	Trưởng phòng Công nghệ - Truyền thông và Hành chính - Quản trị thuộc Thư viện tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Thư viện tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Thư viện viên hạng III. - CDNN tối đa: Thư viện viên hạng II.	1
5	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Thư viện tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Thư viện viên hạng III. - CDNN tối đa: Thư viện viên hạng II.	1
I.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		7
I.2.1	Phòng Công nghệ - Truyền thông và Hành chính - Quản trị		1
1	Thư viện viên hạng II	Thư viện viên hạng II	1
2	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III	
I.2.2	Phòng Nghiệp vụ		6
1	Thư viện viên hạng II	Thư viện viên hạng II	6
2	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III	
I.3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		5
	Phòng Công nghệ - Truyền thông và Hành chính - Quản trị		5
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
5	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiên nhiệm
8	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III	Kiên nhiệm
9	Văn thư viên	Văn thư viên	1
10	Lưu trữ viên hạng III	Lưu trữ viên hạng III	Kiên nhiệm
11	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Kiên nhiệm
12	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiên nhiệm
I.4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		4
	<i>Phòng Công nghệ - Truyền thông và Hành chính - Quản trị</i>		4
1	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động	1
2	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	Kiên nhiệm
3	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	2
4	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	1
II	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng		34
II.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		9
1	Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng I.	1
2	Phó Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng I.	2
3	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Huấn luyện Đào tạo thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng II.	1
5	Trưởng phòng Tổ chức Thi đấu thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng II.	1
6	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
7	Phó Trưởng phòng Huấn luyện Đào tạo thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng II.	1
8	Phó Trưởng phòng Tổ chức Thi đấu thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Huấn luyện viên hạng III. - CDNN tối đa: Huấn luyện viên chính hạng II.	1
II.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		13
II.2.1	Phòng Huấn luyện Đào tạo		8
1	Huấn luyện viên chính hạng II	Huấn luyện viên chính hạng II	8
2	Huấn luyện viên hạng III	Huấn luyện viên hạng III	
II.2.2	Phòng Tổ chức Thi đấu		5
1	Huấn luyện viên chính hạng II	Huấn luyện viên chính hạng II	5
2	Huấn luyện viên hạng III	Huấn luyện viên hạng III	
II.3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		6
II.3.2	Phòng Hành chính - Tổng hợp		5
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
8	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III	Kiểm nhiệm
9	Văn thư viên	Văn thư viên	1
10	Lưu trữ viên hạng III	Lưu trữ viên hạng III	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Kế toán trưởng	- Ngạch tối thiểu: Kế toán viên - Ngạch tối đa: Kế toán viên chính	1
13	Kế toán viên	Kế toán viên	1
14	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
II.3.2	Phòng Huấn luyện Đào tạo		1
	Nhân viên Y tế cơ quan	Hợp đồng lao động	1

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
II.4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		6
	<i>Phòng Hành chính - Tổng hợp</i>		6
1	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động	1
2	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	1
3	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	2
4	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	2
III	Trung tâm Văn hóa		30
III.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		9
1	Giám đốc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Hạng III (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị). - CDNN tối đa: Hạng I (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị).	1
2	Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Hạng III (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị). - CDNN tối đa: Hạng I (01 trong các chức danh nghề nghiệp thuộc nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị).	2
3	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Nghệ thuật quần chúng thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Đạo diễn Nghệ thuật hạng III hoặc Phương pháp viên hạng III. - CDNN tối đa: Đạo diễn Nghệ thuật hạng II hoặc Phương pháp viên hạng II.	1
5	Trưởng phòng Tuyên truyền cổ động thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Phương pháp viên hạng III hoặc Tuyên truyền viên văn hóa hoặc Họa sĩ hạng III hoặc Hướng dẫn viên văn hóa hạng III. - CDNN tối đa: Phương pháp viên hạng II hoặc Tuyên truyền viên văn hóa chính hoặc Họa sĩ hạng II hoặc Hướng dẫn viên văn hóa hạng II.	1
6	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
7	Phó Trưởng phòng Nghệ thuật quần chúng thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Đạo diễn Nghệ thuật hạng III hoặc Phương pháp viên hạng III. - CDNN tối đa: Đạo diễn Nghệ thuật hạng II hoặc Phương pháp viên hạng II.	1

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
8	Phó Trưởng phòng Tuyên truyền cổ động thuộc Trung tâm Văn hóa	- CDNN tối thiểu: Phương pháp viên hạng III hoặc Tuyên truyền viên văn hóa hoặc Họa sĩ hạng III hoặc Hướng dẫn viên văn hóa hạng III. - CDNN tối đa: Phương pháp viên hạng II hoặc Tuyên truyền viên văn hóa chính hoặc Họa sĩ hạng II hoặc Hướng dẫn viên văn hóa hạng II.	1
III.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		12
III.2.1	Phòng Nghệ thuật quần chúng		5
1	Đạo diễn Nghệ thuật hạng II	Đạo diễn Nghệ thuật hạng II	4
2	Đạo diễn Nghệ thuật hạng III	Đạo diễn Nghệ thuật hạng III	
3	Phương pháp viên hạng II	Phương pháp viên hạng II	1
4	Phương pháp viên hạng III	Phương pháp viên hạng III	
III.2.2	Phòng Tuyên truyền cổ động		7
1	Phương pháp viên hạng II	Phương pháp viên hạng II	1
2	Phương pháp viên hạng III	Phương pháp viên hạng III	
3	Tuyên truyền viên văn hóa chính	Tuyên truyền viên văn hóa chính	3
4	Tuyên truyền viên văn hóa	Tuyên truyền viên văn hóa	
5	Họa sĩ hạng II	Họa sĩ hạng II	1
6	Họa sĩ hạng III	Họa sĩ hạng III	
7	Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	2
8	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	
III.3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		5
	Phòng Hành chính - Tổng hợp		5
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
8	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III	Kiểm nhiệm
9	Văn thư viên	Văn thư viên	1
10	Lưu trữ viên hạng III	Lưu trữ viên hạng III	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
III.4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		4
	<i>Phòng Hành chính - Tổng hợp</i>		4
1	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động	1
2	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	1
3	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	1
4	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	1
IV	Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng		32
IV.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		8
1	Giám đốc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng I.	1
2	Phó Giám đốc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng I.	2
3	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính và Thông tin – Tuyên truyền thuộc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng II.	1
5	Trưởng ban Quản lý Di tích Khu Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng thuộc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng II.	1
6	Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ thuộc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng II.	1
7	Phó Trưởng ban Quản lý Di tích Khu Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng thuộc Bảo tàng tỉnh Sóc Trăng	- CDNN tối thiểu: Di sản viên hạng III. - CDNN tối đa: Di sản viên hạng II.	1
IV.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		10
III.2.1	<i>Phòng Nghiệp vụ</i>		5

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
1	Di sản viên hạng II	Di sản viên hạng II	5
2	Di sản viên hạng III	Di sản viên hạng III	
III.2.2	Ban Quản lý Di tích Khu Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng		5
1	Di sản viên hạng II	Di sản viên hạng II	5
2	Di sản viên hạng III	Di sản viên hạng III	
IV.3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		6
	Phòng Tổ chức – Hành chính và Thông tin – Tuyên truyền		6
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	1
8	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III	Kiểm nhiệm
9	Văn thư viên	Văn thư viên	1
10	Lưu trữ viên hạng III	Lưu trữ viên hạng III	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
IV.4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		8
IV.4.1	Phòng Tổ chức – Hành chính và Thông tin – Tuyên truyền		5
1	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	1
2	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	2
3	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	2
IV.4.2	Ban Quản lý Di tích Khu Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng		3
1	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	1
2	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động	2

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
V	Đoàn Nghệ thuật Khmer		41
V.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		7
1	Trưởng đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Diễn viên hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Diễn viên hạng I.	1
2	Phó Trưởng đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Diễn viên hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Diễn viên hạng I.	2
3	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp thuộc Đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Nghệ thuật thuộc Đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Diễn viên hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Diễn viên hạng II.	1
5	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp thuộc Đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
6	Phó Trưởng phòng Nghệ thuật thuộc Đoàn Nghệ thuật Khmer	- CDNN tối thiểu: Diễn viên hạng III hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Diễn viên hạng II.	1
V.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		26
	Phòng Nghệ thuật		26
1	Diễn viên hạng II	Diễn viên hạng II	26
2	Diễn viên hạng III	Diễn viên hạng III	
3	Diễn viên hạng IV	Diễn viên hạng IV	
V.3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		5
	Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp		5
1	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
2	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
3	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	1
4	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
5	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1
6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	1
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm

Số TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Số lượng người làm việc và hợp đồng lao động
1	2	3	4
8	Công nghệ thông tin hạng III	Công nghệ thông tin hạng III	Kiểm nhiệm
9	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	1
10	Lưu trữ viên hạng IV	Lưu trữ viên hạng IV	Kiểm nhiệm
11	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm
12	Phụ trách Kế toán	Kế toán viên	1
13	Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm
V.4	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		3
	<i>Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp</i>		3
1	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động	2 (Trong đó, có 01 trường hợp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp)
2	Nhân viên lái xe	Hợp đồng lao động	Kiểm nhiệm
3	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động	1 (Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp)
VI	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch		20
VI.1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		5
1	Giám đốc Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính hoặc tương đương.	1
2	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính hoặc tương đương.	2
3	Trưởng phòng Hành chính - Dịch vụ thuộc Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính.	1
4	Trưởng phòng Thông tin xúc tiến du lịch thuộc Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	- CDNN tối thiểu: Chuyên viên hoặc tương đương. - CDNN tối đa: Chuyên viên chính hoặc tương đương.	1
VI.2	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		6
	<i>Phòng Thông tin xúc tiến du lịch</i>		6